

**Công ty Cổ phần GTNfoods**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số**

0105334948

ngày 25 tháng 2 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 2 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Mai Kiều Liên  
Ông Nghiêm Văn Thắng  
Ông Trịnh Quốc Dũng  
Ông Lê Thành Liêm  
Ông Đỗ Lê Hùng

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Quốc Dũng  
Ông Trần Chí Sơn

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GTNfoods (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần GTNfoods**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần GTNfoods (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần GTNfoods tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2021 và báo cáo soát xét ngày 30 tháng 7 năm 2020.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-02-00190-R-21-1



Wang Toon Kim  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1



**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	<b>100</b>		<b>289.148.049.376</b>	<b>1.099.343.637.260</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>4.267.816.741</b>	<b>885.255.561.683</b>
Tiền	111		1.267.816.741	1.255.561.683
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	884.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>273.000.000.000</b>	<b>205.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	273.000.000.000	205.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.468.473.612</b>	<b>6.775.706.485</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	107.334.246
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	4.021.075.000	4.021.075.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	9.168.473.612	6.475.706.485
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(3.721.075.000)	(3.828.409.246)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.411.759.023</b>	<b>2.312.369.092</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		65.154.529	90.533.601
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		275.321.705	150.552.702
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15(a)	2.071.282.789	2.071.282.789
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>2.434.449.546.441</b>	<b>1.601.465.479.305</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn khác</b>	<b>210</b>		<b>87.590.300</b>	<b>87.590.300</b>
Phải thu dài hạn khác	216		87.590.300	87.590.300
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.241.831.355</b>	<b>1.352.708.673</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.241.831.355	1.352.708.673
<i>Nguyên giá</i>	222		1.660.713.818	1.660.713.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(418.882.463)	(308.005.145)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		142.000.000	142.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(142.000.000)	(142.000.000)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.433.007.172.846</b>	<b>1.599.902.095.153</b>
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	2.266.298.145.648	1.426.733.774.148
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	9(b)	230.899.972.315	230.899.972.315
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(64.190.945.117)	(57.731.651.310)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>112.951.940</b>	<b>123.085.179</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		112.951.940	123.085.179
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.723.597.595.817</b>	<b>2.700.809.116.565</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần GTNfoods**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>517.210.617</b>	<b>888.032.662</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>517.210.617</b>	<b>888.032.662</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.210.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	16.657.780	22.469.224
Phải trả người lao động	314		214.393.320	201.715.872
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		247.000.000	519.866.500
Phải trả ngắn hạn khác	319		37.949.517	143.981.066
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.723.080.385.200</b>	<b>2.699.921.083.903</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>2.723.080.385.200</b>	<b>2.699.921.083.903</b>
Vốn cổ phần	411	17	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		255.927.481.378	245.042.505.974
Cổ phiếu quỹ	415		-	(14.364.328.733)
Lỗi lũy kế	421		(32.847.096.178)	(30.757.093.338)
- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(30.757.093.338)	(106.382.393.081)
- (Lỗi)/LNST kỳ này	421b		(2.090.002.840)	75.625.299.743
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.723.597.595.817</b>	<b>2.700.809.116.565</b>

Ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 02a- DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		-	-
Giá vốn hàng bán	11		-	-
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	7.522.768.456	60.651.915.221
Chi phí tài chính	22	20	6.459.293.807	516.035.529
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	3.153.477.489	5.315.858.015
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>(2.090.002.840)</b>	<b>54.820.021.677</b>
Chi phí khác	32		-	14.020.243
<b>Lỗ khác (40 = - 32)</b>	<b>40</b>		-	<b>(14.020.243)</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.090.002.840)</b>	<b>54.806.001.434</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>(2.090.002.840)</b>	<b>54.806.001.434</b>

Ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần GTNfoods**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

(Phương pháp gián tiếp)

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(2.090.002.840)</b>	<b>54.806.001.434</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	110.877.318	31.430.832
Các khoản dự phòng	03	6.459.293.807	516.035.529
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.522.768.456)	(60.651.915.221)
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(3.042.600.171)</b>	<b>(5.298.447.426)</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(126.769.003)	7.762.511.499
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(370.822.045)	271.890.413
Biến động chi phí trả trước	12	35.512.311	327.678.969
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.504.678.908)</b>	<b>3.063.633.455</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(151.000.000.000)	(1.104.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	83.000.000.000	204.250.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(883.751.970.000)	-
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27	49.019.599.829	35.046.087.882
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(902.732.370.171)</b>	<b>(864.703.912.118)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần GTNfoods**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	25.249.304.137	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(14.364.328.733)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>25.249.304.137</b>	<b>(14.364.328.733)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(880.987.744.942)</b>	<b>(876.004.607.396)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>885.255.561.683</b>	<b>955.295.368.537</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)</b>	<b>70</b>	<b>4.267.816.741</b>	<b>79.290.761.141</b>

Ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

## Công ty Cổ phần GTNfoods

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần GTNfoods (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư tài chính;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; và
- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 9 nhân viên (1/1/2021: 10 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- phương tiện vận chuyển                      6 – 10 năm
- trang thiết bị văn phòng                      3 – 8 năm

**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm quản lý. Giá trị tài sản vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(i) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021, cổ phiếu đã mua lại mà vốn điều lệ không được giảm đi tương ứng được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

**(n) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Không có khoản mục bất thường của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.



**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	1.267.816.741	1.255.561.683
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	884.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.267.816.741	885.255.561.683

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 phản ánh các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,6%/năm (1/1/2021: 3,3%/năm).

**9. Đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1% đến 7%/năm (1/1/2021: từ 5,5% đến 7%/năm).

**Công ty Cổ phần GTNfoods**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2021	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty con</b>					
▪ Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP	47.003.136	74,49%	1.426.733.774.148	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (**)	29.458.399	51,00%	839.564.371.500	-	(*)
			2.266.298.145.648	-	
<b>Công ty liên kết</b>					
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	80.622.827.315	-	(*)
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (***)	7.400.000	16,23%	82.777.145.000	(27.063.967.787)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	67.500.000.000	(37.126.977.330)	(*)
			230.899.972.315	(64.190.945.117)	
			2.497.198.117.963	(64.190.945.117)	

**Công ty Cổ phần GTNfoods**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2021	
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
	% sở hữu và quyền biểu quyết		Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty con</b>			(*)
▪ Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP	47.003.136	1.426.733.774.148	-
<b>Công ty liên kết</b>			
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	80.622.827.315	-
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (***)	7.400.000	82.777.145.000	(26.874.203.081)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	67.500.000.000	(30.857.448.229)
		230.899.972.315	(57.731.651.310)
		1.657.633.746.463	(57.731.651.310)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

(\*\*) Ngày 25 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn thành mua vào 29.454.210 cổ phiếu và ngày 4 tháng 2 năm 2021 Công ty tiếp tục mua thêm 4.189 cổ phiếu phát hành mới của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu theo phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư chiến lược và cán bộ công nhân viên của công ty con này để tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và tỉ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu sau các giao dịch trên là 51,00% (bao gồm trực tiếp là 26,78% và gián tiếp thông qua Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP là 24,22%).

(\*\*\*) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP thông qua việc Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Ông Nhữ Mạnh Hải	300.000.000	300.000.000
	<b>4.021.075.000</b>	<b>4.021.075.000</b>

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi	7.881.690.412	5.190.923.285
Phải thu tiền thuê văn phòng từ bên liên quan	1.276.783.200	1.276.783.200
Tạm ứng	10.000.000	8.000.000
	<b>9.168.473.612</b>	<b>6.475.706.485</b>

**Công ty Cổ phần GTNfoods**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
<i>Nợ khó có khả năng thu hồi</i>				
Công ty TNHH Liên doanh DMC VTS	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	3.721.075.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Thái Nguyên	-	-	-	(107.334.246)
	<b>3.721.075.000</b>	<b>(3.721.075.000)</b>	<b>-</b>	<b>(3.828.409.246)</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(3.721.075.000)

(3.828.409.246)



12/21/2021 1.50/1

**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Trang thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.467.313.818	193.400.000	1.660.713.818
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	167.396.810	140.608.335	308.005.145
Khấu hao trong kỳ	95.793.984	15.083.334	110.877.318
Số dư cuối kỳ	263.190.794	155.691.669	418.882.463
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	1.299.917.008	52.791.665	1.352.708.673
Số dư cuối kỳ	1.204.123.024	37.708.331	1.241.831.355

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có tài sản cố nguyên giá 102.900.000 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 102.900.000 VND).

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị thuế VND</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị thuế VND</b>
Lỗi tính thuế	59.848.048.241	11.969.609.648	58.150.099.401	11.630.019.880

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào những năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗi được khấu trừ VND</b>
2024	Chưa quyết toán	58.150.099.401
2026	Chưa quyết toán	1.697.948.840
		<b>59.848.048.241</b>

**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.071.282.789	-	-	2.071.282.789

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	22.469.224	141.828.476	(147.639.920)	16.657.780
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	22.469.224	144.828.476	(150.639.920)	16.657.780

11/21  
 K  
 M.S.D.  
 H

C P A





**Công ty Cổ phần GTNfoods****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	250.000.000	2.500.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	2.500.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	2.500.000.000.000
	1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	250.000.000	2.500.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	2.500.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(1.000.000)	(14.364.328.733)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	249.000.000	2.485.635.671.267

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**Công ty Cổ phần GTNfoods****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	325.166.400	330.361.200
Từ hai đến năm năm	243.874.800	412.951.500
	<hr/>	<hr/>
	569.041.200	743.312.700

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo hợp đồng thuê văn phòng dài hạn số 06/2020/HĐ-VP ngày 26 tháng 3 năm 2020 và phụ lục hợp đồng số 09/2020/PLHĐ-VP ngày 10 tháng 4 năm 2020, phụ lục hợp đồng số 11/2021/PLHĐ-VP ngày 12 tháng 5 năm 2021. Thời hạn thuê là ba năm từ ngày 27 tháng 4 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2023.

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	7.522.768.456	32.450.033.621
Cổ tức được chia	-	28.201.881.600
	<hr/>	<hr/>
	7.522.768.456	60.651.915.221

**20. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	6.459.293.807	516.035.529
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần GTNfoods**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.641.485.458	2.848.211.337
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.739.443	34.010.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.877.318	31.430.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	474.051.703	2.026.900.728
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	914.323.567	375.304.575
	3.153.477.489	5.315.858.015

**22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.090.002.840)	54.806.001.434
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(418.000.568)	10.961.200.287
Chi phí không được khấu trừ thuế	78.410.800	72.363.216
Thu nhập không bị tính thuế	-	(5.640.376.320)
Lỗ tính thuế được sử dụng	339.589.768	(5.393.187.183)
	-	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần GTNfoods**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu</b>		
Đầu tư vào công ty con	883.751.970.000	-
Cổ tức được chia cho giai đoạn trước khi đầu tư	44.187.598.500	-
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	366.501.426
Cổ tức được chia	-	28.201.881.600
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Tiền lương, thưởng và thù lao	582.000.000	550.834.924

### 24. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo tài chính riêng

Ngày 26 tháng 2 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã công bố tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, bao gồm nội dung về phương án tái cấu trúc Công ty bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu thông qua hợp đồng hoán đổi. Theo đó, Công ty được tái cấu trúc vào Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Vilico”) theo phương án Vilico phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông của Công ty để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty đang lưu hành, trên cơ sở tỷ lệ hoán đổi 1,6:1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu Công ty vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu Vilico). Ngày 9 tháng 4 năm 2021, Công ty và Vilico đã ký hợp đồng sáp nhập. Hiện tại Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đề nộp Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước trước khi thực hiện các thủ tục sáp nhập.

**Công ty Cổ phần GTNfoods**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

